TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH THÀNH** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 28/5/2020
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cúc
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lưu Đình Tâm
2. Bà Trương Thị Hồng Xuân

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Văn Hùng – Thư ký Tòa án, TAND huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa *tham gia phiên tòa:* Bà Dương Thị Hiên – Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2020 về: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2020/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 05 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị D; Sinh năm: 1992
HKTT: Thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.
Nơi ở hiện nay: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Quách Văn L; Sinh năm: 1990
HKTT và nơi ở hiện nay: Thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 24/02/2020, tại bản tự khai ngày 28/02/2020 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Bùi Thị D trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Quách Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 03/3/2011 tại Ủy ban nhân dân (Sau đây viết tắt là UBND) xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau ngày cưới tình cảm vợ chồng hòa thuận được 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên sảy ra cãi cọ và đã có lần dẫn đến đánh đập. Thời gian kéo dài khiến cho chị cảm thấy mệt mỏi và chán nản. Chị đã về nhà bố mẹ đẻ từ tháng 3 năm 2017 cho đến nay và vợ chồng ly thân từ đó, không còn quan hệ tình cảm với nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L.

Về con cái: Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Quách Thị T, sinh ngày 23/4/2011. Khi ly hôn chị D đề nghị được trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh L cấp

dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản : Chị D không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tòa án đã Tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và triệu tập anh Quách Văn L để nộp bản tự khai nhưng anh L đều vắng mặt nên không có lời khai của anh L trong hồ sơ vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình còn bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị D được ly hôn anh Quách Văn L; Về con cái: Giao con chung là cháu Quách Thị T, sinh ngày 23/4/2011 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Anh L cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị D mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng), thời gian cấp dưỡng từ tháng 5 năm 2020 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình có con chưa thành niên và trong quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự chưa thống nhất được các vấn đề tranh chấp trong vụ án nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng như VKS được biết.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng anh L không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh L theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

[3]. Anh L đã được triệu tập hợp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 BLTTDS.

[4]. Tại phiên tòa hôm nay, anh L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt anh L.

[5]. Về hôn nhân: Chị Bùi Thị D và anh Quách Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 03/3/2011 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 điều 28 BLTTDS. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được 04 năm thì phát

sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, luôn bất đồng quan điểm nên hay sảy ra cãi vã và đã có lần dẫn đến đánh đập. Chị D đã về nhà bố mẹ đẻ từ đầu năm 2017 đến và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay mỗi người một nơi, không còn qua lại, quan tâm gì đến nhau nữa. Việc này đã được các cấp chính quyền xã T xác nhận và cũng phù hợp với nội dung Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân mà Tòa án đã tiến hành thu thập. Nay chị D nhất quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh L, HĐXX nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Bùi Thị D được ly hôn anh Quách Văn L.

[6]. Về con cái: Vợ chồng có một con chung là Quách Thị T, sinh ngày 23/4/2011. Xét thấy, cháu T là con gái lại đang còn nhỏ nên ở với mẹ sẽ phù hợp về mặt tình cảm và giới tính. Mặt khác, bản thân cháu cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị D, giao cháu T cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, anh L cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị D mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng).

[7]. Về tài sản: Chị D không yêu cầu nên miễn xét.

[8]. Về án phí: Chị D, anh L phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Toà án.

Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị D được ly hôn anh Quách Văn L.

Về con cái: Giao con chung là cháu Quách Thị T, sinh ngày 23/4/2011 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, anh L cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị D mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng), thời gian cấp dưỡng từ tháng 5 năm 2020 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi hoặc đến khi các đương sự có yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng khác. Khoản tiền cấp dưỡng nuôi con được thi hành ngay mặc dù bản án có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Anh L có quyền qua lại trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Kể từ khi chị D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chưa thi hành án khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì hàng tháng anh L còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357; Khoản 2 Điều 468 BLDS trên số tiền phải thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về án phí: Chị Bùi Thị D chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền chị D đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự Thạch Thành, theo biên lai số: AA/2018/0002679 ngày 26/02/2020. Chị D đã nộp đủ tiền án phí. Anh Quách Văn L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí DSST về việc cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị Bùi Thị D, vắng mặt anh Quách Văn L. Chị D có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh L có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thạch Thành;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Cúc